

CÔNG TY CP XÂY LẮP THÀNH AN 96

**NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã được triệu tập họp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội với:

1. Tổng số cổ đông của Công ty là: **430** cổ đông cá nhân và tổ chức, sở hữu **12.419.787** cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó :

- Cổ phần Vốn Nhà nước	: 6.334.373 CP
- Cổ phần của Công đoàn cơ sở	: 25.153 CP
- Cổ phần của cổ đông khác	: 6.060.261 CP

2. Số cổ đông có mặt tham dự Đại hội là: **56** cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số **10.004.023/12.419.787 cổ phần** có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ: **80,55%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó :

- Số cổ phần các cổ đông sở hữu	: 8.160.766 CP
- Số cổ phần ủy quyền	: 1.843.257 CP

3. Số cổ đông vắng mặt không ủy quyền dự Đại hội là: **225** cổ đông, sở hữu **2.415.764 cổ phần/12.419.787 cổ phần**, chiếm tỷ lệ : **19,45%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội chính thức tiến hành vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 05 năm 2020, tại Hội trường Công ty CPXL Thành An 96 - Số 2 Nguyễn Văn Trỗi – TP Đà Nẵng.

Toàn thể cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã tập trung trí tuệ, làm việc với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc và với ý thức trách nhiệm cao. Sau khi thảo luận vào các báo cáo:



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1- Giá trị sản xuất	1.596.519.181	1.200.000.000
2- Vốn điều lệ tại DN	124.197.870	124.197.870
3- Tổng Doanh thu	1.292.081.113	1.000.000.000
4- Lợi nhuận trước thuế	28.441.802	21.400.000
5- Lợi nhuận sau thuế	22.667.920	17.120.000
6- Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	10%

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 2: Thông qua báo cáo công tác đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2019 và kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2020.

- Kết quả công tác đầu tư năm 2019: Công ty đầu tư xây dựng mới trụ sở Xí nghiệp 54 gồm 01 danh mục với tổng giá trị đầu tư là: 10,142 tỷ đồng.

- Kết quả tài sản thanh xử lý năm 2019.

Thanh xử lý 106 danh mục tài sản với số tiền thu hồi 12,486 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư và thanh xử lý năm 2020:

Chấp thuận kế hoạch đầu tư 19 danh mục với tổng giá trị đầu tư: 10,25 tỷ đồng.

Chấp thuận báo cáo thanh xử lý tài sản hư hỏng, phân loại cấp 5 đã hết khấu hao, không có nhu cầu sử dụng. Công ty tổ chức thanh xử lý tài sản loại ra khỏi biên chế theo đúng trình tự quy định.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và kế hoạch công tác tài chính năm 2020. Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo công tác tài chính với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

DVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	
		Tỷ lệ trích quỹ	Thành tiền
- Lợi nhuận trước thuế	28.441.802		21.400.000
- Thuế thu nhập DN	5.773.882		4.280.000
- Lợi nhuận sau thuế (L-T)	22.667.920		17.120.000
- Chia cổ tức	18.629.681		12.419.787
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.221.031	55%	2.585.117
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	200.000	5%	235.011
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.617.208	40%	1.880.085
- Tỷ lệ chia cổ tức	15%		10%

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 4: Thông qua việc chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

1. Tổng lợi nhuận thực hiện (Đạt 2,2%/D/thu)	22.441.802
2. Nộp thuế TNDN	5.773.882
3. Lợi nhuận sau thuế (Đạt 1,75%/D/thu)	22.667.920
4. Chia cổ tức, trích lập các quỹ trong năm	22.667.920
4.1. Chia cổ tức (15%/1 cổ phần)	18.629.681
- Cổ tức phần vốn nhà nước (6.334.373 CP)	9.501.560
- Cổ tức phần vốn Công đoàn (25.153 CP)	37.729
- Cổ tức cho các cổ đông thiểu số (6.060.261CP)	9.090.392
4.2. Trích lập các quỹ	4.038.239
- Quỹ đầu tư phát triển	2.221.031
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.617.208
- Quỹ khen thưởng BDH	200.000

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 5: Thông qua quyết toán tiền lương của HĐQT, mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 và phương án tiền lương của HĐQT, thù lao của Ban kiểm soát năm 2020.

- Quyết toán tiền lương của Hội đồng quản trị, thù lao của BKS năm 2019:

- Tiền lương của Hội đồng quản trị : 1.560.224.179 đồng
- Thù lao của HĐQT không chuyên trách : 14.301.408 đồng
- Thù lao của Ban kiểm soát : 41.474.112 đồng

- Phương án tiền lương của Hội đồng quản trị, thù lao của BKS năm 2020:

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách không phải người đại diện phần vốn góp của Nhà nước được xác định trên cơ sở vị trí công việc, đảm bảo cân đối hợp lý với tiền lương của người đại diện phần vốn Nhà nước.

- Đối với Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách: không quá 20% của lương bình quân quản lý chuyên trách Công ty.

- Hàng tháng người quản lý Công ty được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó. Số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 6: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty được lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban nhà nước chấp thuận để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2020 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 7: Thông qua quy chế quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế quản trị Công ty. Quy chế ban hành đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 8: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động trong năm 2019 và kế hoạch công tác năm 2020.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

005
TY
KAYL
HAN
-TP

Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Ngọc Huệ và chức vụ trưởng Ban kiểm soát đối với ông Ngô Sỹ Nguyên.

- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông **Nguyễn Ngọc Huệ** - Lý do nghỉ hưu theo chế độ.

- Miễn nhiệm chức vụ trưởng Ban kiểm soát đối với ông **Ngô Sỹ Nguyên** - Lý do chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 10: Phê duyệt kết quả bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ
1	Ông Phan Xuân Bằng	10.004.023	100%

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, ông Phan Xuân Bằng đã trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 11: Phê duyệt kết quả bầu bổ sung Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ
1	Bà Trần Thị Diệu Thúy	10.004.023	100%

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, bà Trần Thị Diệu Thúy đã trúng cử vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 12: Giao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 13: Giao Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, bảo đảm theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết 100% tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty
(đăng tại Website Công ty);
- HĐQT, BKS;
- UBCKNN; HNX;
- Lưu: VT, HĐQT.



Phan Xuân Bằng

CÔNG TY CP XÂY LẬP THÀNH AN 96

**BIÊN BẢN ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2020

Số: 01 / BB - ĐHCĐ

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 5 năm 2020

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96**

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 tổ chức vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường Công ty CPXL Thành An 96, 02 Nguyễn Văn Trỗi, TP Đà Nẵng.

Đại hội đã nghe Ông : **Lê Ngọc Trường** - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

1. Tổng số cổ đông của Công ty là: **430** cổ đông cá nhân và tổ chức, sở hữu **12.419.787** cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó : - Cổ phần Vốn Nhà nước : **6.334.373** CP
- Cổ phần của Công đoàn cơ sở : **25.153** CP
- Cổ phần của cổ đông khác : **6.060.261** CP

2. Số cổ đông có mặt tham dự Đại hội là: **56** cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số **10.004.023/12.419.787** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ: **80,55%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó : - Số cổ phần các cổ đông sở hữu : **8.160.766** CP
- Số cổ phần ủy quyền : **1.843.257** CP

3. Số cổ đông vắng mặt không ủy quyền dự Đại hội là: **225** cổ đông, sở hữu **2.415.764** cổ phần/12.419.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ : **19,45%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã được tiến hành hợp lệ và tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Để điều hành hoạt động của Đại hội, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu. Cụ thể như sau:

*** Đoàn chủ tịch gồm các Ông/ Bà:**

1/ Ông : **Nguyễn Ngọc Huệ** - Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn
2/ Ông : **Phạm Văn Lê** - Phó chủ tịch HĐQT - Ủy viên
3/ Bà : **Trịnh Thị Thu Hương** - Thành viên HĐQT - Ủy viên

Đại hội đồng cổ đông thông qua Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.

*** Ban thư ký gồm các Ông / Bà:**

1/ Bà : **Trần Thị Diệu Thúy** - Trưởng ban
2/ Ông: **Trần Văn Thái** - Ủy viên

Đại hội đồng cổ đông thông qua Ban Thư ký với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.

*** Ban kiểm phiếu gồm các Ông/Bà :**

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1/ Ông: Lê Thái Bình | - Trưởng ban |
| 2/ Bà: Lê Thị Vân Anh | - Thư ký |
| 3/ Ông: Dương Văn Đức | - Ủy viên |
| 4/ Ông Lâm Văn Công | - Giám sát bầu cử |
| 5/ Bà: Nguyễn Thị Huyền | - Giám sát bầu cử |

Đại hội đồng cổ đông thông qua Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.

Sau khi nghe các báo cáo và tiến hành thảo luận, Đại hội đồng cổ đông Công ty CPXL Thành An 96 đã biểu quyết nhất trí thông qua các vấn đề sau:

1/. Thông qua nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tịch Đại hội đã báo cáo nội dung, chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96. Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất thông qua các nội dung, chương trình nghị sự của Đại hội. Cụ thể như sau:

- 1.1. Thông qua báo cáo của HĐQT Công ty về kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.
- 1.2. Thông qua báo cáo công tác đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2019 và kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2020.
- 1.3. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và kế hoạch công tác tài chính năm 2020.
- 1.4. Thông qua việc chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019.
- 1.5. Thông qua quyết toán tiền lương của HĐQT, mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 và phương án tiền lương của HĐQT, thù lao của Ban kiểm soát năm 2020.
- 1.6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.
- 1.7. Thông qua quy chế quản trị Công ty.
- 1.8. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch công tác năm 2020.
- 1.9. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 1.10. Bầu bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023.
- 1.11. Bầu bổ sung Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

2/. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020.

Đại hội đã nhất trí thông qua kết quả SXKD năm 2019 kế hoạch SXKD năm 2020 trên cơ sở báo cáo của HĐQT đã được trình bày trước Đại hội, với các chỉ tiêu chủ yếu sau :

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1- Giá trị sản xuất	1.596.519.181	1.200.000.000
2- Vốn điều lệ tại DN	124.197.870	124.197.870
3- Tổng Doanh thu	1.292.081.113	1.000.000.000
4- Lợi nhuận trước thuế	28.441.802	21.400.000
5- Lợi nhuận sau thuế	22.667.920	17.120.000
6- Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	10%

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

3/. Thông qua báo cáo công tác đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2019 và kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2020.

- Kết quả công tác đầu tư năm 2019: Công ty đầu tư xây dựng mới trụ sở Xí nghiệp 54 gồm 01 danh mục với tổng giá trị đầu tư là: 10,142 tỷ đồng.

(Chi tiết kèm theo tại phụ lục: 01/KHTXL-2019)

- Kết quả tài sản thanh xử lý năm 2019.

Thanh xử lý 106 danh mục tài sản với số tiền thu hồi 12,486 tỷ đồng.

(Chi tiết kèm theo tại phụ lục: 02/KHTXL-2019)

- Kế hoạch đầu tư và thanh xử lý năm 2020:

Chấp thuận kế hoạch đầu tư 19 danh mục với tổng giá trị đầu tư: 10,25 tỷ đồng.

(Chi tiết kèm theo tại phụ lục: 03/KHĐT-2020)

Chấp thuận báo cáo thanh xử lý tài sản hư hỏng, phân loại cấp 5 đã hết khấu hao, không có nhu cầu sử dụng. Công ty tổ chức thanh xử lý tài sản loại ra khỏi biên chế theo đúng trình tự quy định.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

4/. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và kế hoạch công tác Tài chính năm 2020.

Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo công tác tài chính với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	
		Tỷ lệ trích quỹ	Thành tiền
- Lợi nhuận trước thuế	28.441.802		21.400.000
- Thuế thu nhập DN	5.773.882		4.280.000
- Lợi nhuận sau thuế (L-T)	22.667.920		17.120.000
- Chia cổ tức	18.629.681		12.419.787
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.221.031	55%	2.585.117
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	200.000	5%	235.011
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.617.208	40%	1.880.085
- Tỷ lệ chia cổ tức	15%		10%

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

5/. Thông qua việc chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2019, cụ thể như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

1. Tổng lợi nhuận thực hiện (Đạt 2,2%/D/thu)	22.441.802
2. Nộp thuế TNDN	5.773.882
3. Lợi nhuận sau thuế (Đạt 1,75%/D/thu)	22.667.920
4. Chia cổ tức, trích lập các quỹ trong năm	22.667.920
Trong đó:	

4.1. Chia cổ tức (15%/1 cổ phần)	18.629.681
- Cổ tức phần vốn nhà nước (6.334.373 CP)	9.501.560
- Cổ tức phần vốn Công đoàn (25.153 CP)	37.729
- Cổ tức cho các cổ đông thiểu số (6.060.261CP)	9.090.392
4.2. Trích lập các quỹ	4.038.239
- Quỹ đầu tư phát triển	2.221.031
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.617.208
- Quỹ khen thưởng BĐH	200.000

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

6/. Thông qua quyết toán tiền lương của HĐQT, mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 và phương án tiền lương của HĐQT, thù lao của Ban kiểm soát năm 2020.

- Quyết toán tiền lương của Hội đồng quản trị, thù lao của BKS năm 2019:

- Tiền lương của Hội đồng quản trị : 1.560.224.179 đồng
- Thù lao của HĐQT không chuyên trách : 14.301.408 đồng
- Thù lao của Ban kiểm soát : 41.474.112 đồng

- Phương án tiền lương của Hội đồng quản trị, thù lao của BKS năm 2020:

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách không phải người đại diện phần vốn góp của Nhà nước được xác định trên cơ sở vị trí công việc, đảm bảo cân đối hợp lý với tiền lương của người đại diện phần vốn Nhà nước.

- Đối với Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách: không quá 20% của lương bình quân quản lý chuyên trách Công ty.

- Hàng tháng người quản lý Công ty được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó. Số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

7/. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty được lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban nhà nước chấp thuận để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2020 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

8/. Thông qua quy chế quản trị Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua quy chế quản trị Công ty.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

9/. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động trong năm 2019 và kế hoạch công tác năm 2020.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

10/. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Huệ và chức vụ Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Ngô Sỹ Nguyên.

- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Huệ, cá nhân có đơn xin thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia Hội đồng quản trị - Lý do nghỉ hưu theo chế độ.

- Miễn nhiệm chức vụ trưởng Ban kiểm soát đối với ông Ngô Sỹ Nguyên, cá nhân có đơn xin từ nhiệm - Lý do chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân.

Kết quả biểu quyết thông qua:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: 10.004.023 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.

11/. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ
1	Ông Phan Xuân Bằng	10.004.023	100%

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPXL Thành An 96, ông Phan Xuân Bằng đã trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 nhiệm kỳ 2018 – 2023.

12/. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Đạt tỷ lệ
1	Bà Trần Thị Diệu Thúy	10.004.023	100%

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPXL Thành An 96, bà Trần Thị Diệu Thúy đã trúng cử vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Trên đây là toàn bộ nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% đồng ý. Đại hội nhất trí toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội sẽ được gửi tới cổ đông bằng cách đăng lên trang điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, SGD Chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty.

Biên bản được lập xong lúc 11 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 5 năm 2020 và được lập thành 05 bản.

THƯ KÝ



Trần Thị Diệu Thúy



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Huệ

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ TÀI SẢN NĂM 2019

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên thiết bị xe máy	Đơn vị tính	Thông số đặc trưng	Chất lượng	Xuất xứ	Số lượng	Tổng cộng (số tiền)	Theo kết cấu nguồn vốn			Ghi chú
								Thiết bị nguồn vốn	Thiết bị văn phòng	XDCB	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trụ sở Xí nghiệp xây lắp 54	cái				1	10.142.000			10.142.000	
	TỔNG CỘNG					1	10.142.000	0	0	10.142.000	

KẾT QUẢ THANH XỬ LÝ TÀI SẢN NĂM 2019

TT	Loại, nhãn hiệu TBXM, số đăng ký	Số thẻ	ĐVT	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Đơn vị quản lý	Giá trị bán thu hồi vốn	Ghi chú
I	2	3		4	5	6	7	8	9	10
A	BÁN THU HỒI VỐN			13					8.086.422	
I	XE Ô TÔ			8					6.748.422	
1	Xe ô tô vận chuyển bê tông Howo 43C 13330		xe	HOWO	Trung Quốc	2016	2016	CNMN	502.500	
2	Xe ô tô vận chuyển bê tông Howo 43C 13372		xe	HOWO	Trung Quốc	2016	2016	CNMN	502.500	
3	Xe ô tô bơm cần Deawoo K7CEF 43C 13356		xe	DEAWOO	Hàn Quốc	2016	2016	CNMN	3.934.058	
4	Trạm trộn bê tông 90m3/h		xe		Trung Quốc	2016	2016	CNMN	1.136.364	
5	Xe ô tô tải Nissan gắn cầu 43X 17 09	270	xe	Nissan	Nhật Bản	1997	2010	XN 54	293.000	
6	Xe vận chuyển bê tông Hyundai 79C - 04535	610	xe	Hyundai	Hàn Quốc	2010	2016	CNMN	150.000	
7	Xe vận chuyển bê tông Hyundai 79C - 04592	611	xe	Hyundai	Hàn Quốc	2010	2016	CNMN	150.000	
8	Xe vận chuyển bê tông Sangyong 61L 4008	619	xe	Sangyong	Hàn Quốc	2009	2016	CNMN	80.000	
II	MÁY MÓC THIẾT BỊ KHÁC			5					1.338.000	
1	Máy ủi Komatsu D41E6	642	máy	Komatsu	Nhật Bản	2011	2017	XN 54	485.000	
2	Máy ủi CAT D6R	461	máy	Caterpillar	Mỹ	2004	2014	CNĐN	125.000	
3	Máy đào bánh lốp Komatsu 150ES	520	máy	Komatsu	Nhật Bản	2000	2015	XN33	203.000	
4	Máy đào bánh xích IHI ISGX -2	671	máy	IHI	Singapore	1990	2017	CNMN	125.000	
5	Cầu tháp HPCT 5013	332	máy	Hòa Phát	Việt Nam	2011	2011	CNMN	400.000	
B	BÁN THANH LÝ			93					4.400.000	
I	Ô TÔ			28					601.500	
1	Xe ô tô tải SAMSUNG 34L-8955	541	xe	Sam Sung	Hàn Quốc	1996	2015	CNQT	16.000	
2	Xe ô tô tải SAMSUNG 34C-00723	540	xe	Sam Sung	Hàn Quốc	1996	2015	CNQT	15.000	
3	Xe ô tô tải SAMSUNG 14C-00760	551	xe	Sam Sung	Hàn Quốc	1995	2015	CNQT	22.000	
4	Xe ô tô tải SAMSUNG 34K-9996	552	xe	Sam Sung	Hàn Quốc	1996	2015	CNQT	22.000	
5	Xe ô tô tải SAMSUNG 15C-03200	553	xe	Sam Sung	Hàn Quốc	1995	2015	CNQT	20.000	
6	Xe ô tô tải SAMSUNG 29U-2932	554	xe	Sam Sung	Hàn Quốc	1995	2015	CNQT	25.000	
7	Xe Kamaz55111- 80K -1757	137	xe	Kamaz	Nga	2001	2002	XN54	60.000	

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Loại, nhãn hiệu TBXM, số đăng ký	Số thẻ	DVT	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Đơn vị quản lý	Giá trị bán thu hồi vốn	Ghi chú
8	Xe Maz Veam 43C 033.55	372	xe	MAZ	Việt Nam	2010	2012	XN54	70.000	
9	Xe Ford Pickup 43C-044.67	167	xe	Ford	Việt Nam	2003	2003	XN54	40.000	
10	Xe ôtô tải Ben KAMAZ 65115 (74C-017.67)	411	xe	KAMAZ	Nga	2012	2013	CNQT	12.500	
11	Xe ôtô THACO - FORLAND (74C-015.54)	413	xe	Thaco	Việt Nam	2012	2013	CNQT	8.000	
12	Xe ôtô tải KAMAZ-74C - 022.77	419	xe	KAMAZ	Nga	2008	2013	CNQT	15.000	
13	Xe ôtô tải KAMAZ-74C - 021.31	425	xe	KAMAZ	Nga	2008	2013	CNQT	14.000	
14	Xe ô tô tải sam sung 14 L-1447	543	xe	Sam sung	Hàn Quốc	1996	2015	CNQT	14.000	
15	Xe ô tô tải sam sung 34 L-8755	542	xe	Sam sung	Hàn Quốc	1996	2015	CNQT	14.000	
16	Xe ô tô tải sam sung 19N-1765	555	xe	Sam sung	Hàn Quốc	1996	2015	CNQT	14.000	
17	Xe ôtô tải Ben KAMAZ 65115 (74C-017.66)	412	xe	KAMAZ	Nga	2012	2013	CNQT	22.000	
18	Xe ô tô tải tự đổ VEAM-74C-028.82	463	xe	VEAM	Việt Nam	2012	2014	CNQT	29.000	
19	Xe ô tô tải tự đổ VEAM-74C-029.45	467	xe	VEAM	Việt Nam	2012	2014	CNQT	29.000	
20	Xe ô tô tải tự đổ VEAM-74C-029.35	466	xe	VEAM	Việt Nam	2012	2014	CNQT	29.000	
21	Xe ô tô tải 3,45 tấn THACO 43C 070,70	483	xe	Thaco	Việt Nam	2013	2014	XN 54	15.000	
22	Xe ô tô tải tự đổ CT6.20D1 -43C-01010	577	xe	Chiến Thắng	Việt Nam	2015	2015	XN 54	15.000	
23	Xe ô tô Ford Escape - 43A - 051.90	383	xe	Ford	Mỹ	2008	2012	XN 54	5.000	
24	Xe ô tô tải tự đổ VEAM-74C-029.09	464	xe	VEAM	Việt Nam	2012	2014	CNQT	18.000	
25	Xe ô tô tải tự đổ VEAM-74C-029.19	465	xe	VEAM	Việt Nam	2012	2014	CNQT	18.000	
26	Xe ôtô tải THACO - 74C-021.18	428	xe	Thaco	Việt Nam	2013	2013	Đội 2	9.000	
27	Xe ôtô tải KAMAZ-74C - 024.44	424	xe	KAMAZ	Nga	2008	2013	CNQT	24.000	
28	Xe ôtô tải THACO - 74C-024.15	427	xe	Thaco	Việt Nam	2013	2013	Đội 2	7.000	
II	MÁY MÓC THIẾT BỊ KHÁC			65					3.798.500	
1	Sà lan SG -1306	526	chiếc		Việt Nam	2010	2015	CNQT	350.000	
2	Cần trục bánh xích IHI CH50	266	máy	IHI CH50	Nhật bản	1979	2009	CNQT	175.000	
3	Cần trục bánh lốp P&H T900	431	máy	P&H T900	Nhật bản	1997	2013	CNQT	150.000	
4	Máy trộn bê tông JZC 350	437	máy	JZC 350	Trung Quốc	2013	2013	CNQT	2.000	
5	Máy trộn bê tông JZC 350	458	máy	JZC 350	Trung Quốc	2013	2014	CNQT	2.000	
6	Máy trộn bê tông JZC 350	462	máy	JZC 350	Trung Quốc	2013	2014	CNQT	2.000	
7	Máy đào bánh xích KOMATSU PC650-3	522	máy	Komatsu	Nhật Bản	1991	2015	CNQT	90.000	
8	Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-6LC	406	máy	Komatsu	Nhật Bản	2003	2013	CNQT	45.000	

TT	Loại, nhãn hiệu TBXM, số đăng ký	Số thẻ	ĐVT	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Đơn vị quản lý	Giá trị bán thu hồi vốn	Ghi chú
9	Máy đào bánh xích CATERPILAR 350L	407	máy	Caterpillar	Mỹ	1997	2013	CNQT	60.000	
10	Máy đào bánh xích KOMATSU PC300LC-6LE	414	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2013	Đội 2	40.000	
11	Máy đào bánh xích KOMATSU PC450LC-6KJ	456	máy	Komatsu	Nhật Bản	2000	2014	CNQT	60.000	
12	Máy đào bánh xích Mitsubishi MM57SR	271	máy	Mitsubishi	Nhật Bản	1994	2009	CNQT	9.500	
13	Máy đào bánh xích Hitachi EX700H	509	máy	Hitachi	Nhật Bản	1991	2015	CNQT	95.000	
14	Máy đào bánh xích HITACHI EX700LC	489	máy	Hitachi	Nhật Bản	KĐX	2014	CNQT	170.000	
15	Máy đào bánh xích CATERPILAR 330L	430	máy	Caterpillar	Mỹ	1995	2013	CNQT	80.000	
16	Máy đào bánh xích KOMATSU PC40MR-2	481	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2014	CNQT	12.000	
17	Sà Lan SG-1250	571	chiếc	VN	Việt Nam	2014	2015	CNQT	80.000	
18	Phương tiện thủy nội địa Tàu NĐ0875	490	chiếc	VN	Việt Nam	2010	2014	CNQT	65.000	
19	Máy vận thăng 500 kg đồng bộ	475	máy	Hòa Phát	Trung Quốc	2013	2014	CNQT	2.500	
20	Máy trộn bom bê tông HBT 30	487	máy	HBT	Trung Quốc	2014	2014	CNQT	4.500	
21	Máy đào bánh xích KOMATSU PC800-6	418	máy	Komatsu	Nhật Bản	2000	2013	CNQT	131.000	
22	Máy đào bánh xích KOMATSU PC650-5	508	máy	Komatsu	Nhật Bản	1991	2015	CNQT	120.000	
23	Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-6	405	máy	Komatsu	Mỹ	2000	2013	CNQT	87.500	
24	Máy đào bánh xích KOBELCO SK60	480	máy	KOBELCO	Nhật Bản	1990	2014	CNQT	12.000	
25	Máy đào bánh xích Caterpillar 350L	502	máy	Caterpillar	Mỹ	1996	2014	CNQT	90.000	
26	Máy đào bánh xích KOMATSU PW210-1	416	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2013	Đội 2	35.000	
27	Máy đào bánh xích KOMATSU PC400LC-6E	417	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2013	Đội 2	85.000	
28	Máy đào bánh xích KOMATSU PC710-5	507	máy	Komatsu	Nhật Bản	1995	2015	CNQT	130.000	
29	Máy đào bánh xích KOMATSU PC600LC-6	457	máy	Komatsu	Nhật Bản	2002	2015	CNQT	104.000	
30	Máy đào KOMATSU PC 75uu-2	242	máy	Komatsu	Nhật Bản	1997	2008	CNQT	14.000	
31	Máy đào bánh xích KOMATSU PW95	486	máy	Komatsu	Ý	1998	2014	CNQT	18.000	
32	Máy đào bánh xích KOMATSU PC650-3	488	máy	Komatsu	Nhật Bản	1987	2014	CNQT	118.000	
33	Máy đào KOMATSU 450-6	429	máy	Komatsu	Nhật Bản	2000	2013	CNQT	80.000	
34	Máy đào bánh xích KOMATSU PC300LC-6LE	399	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2013	Đội 2	55.000	
35	Máy đào bánh xích KOMATSU PC300LC-6LC	415	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2013	Đội 2	55.000	
36	Máy đào bánh xích Sumitomo SH300	491	máy	Sumitomo	Nhật Bản	1998	2014	Đội 2	55.000	
37	Máy đào bánh xích Hitachi EX450LC-5	343	máy	Hitachi	Nhật Bản	KĐX	2011	Đội 24	84.000	
38	Máy đào bánh xích Hitachi EX450LC-5	344	máy	Hitachi	Nhật Bản	KĐX	2011	Đội 24	84.000	

TT	Loại, nhãn hiệu TBXM, số đăng ký	Số thể	ĐVT	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Đơn vị quản lý	Giá trị bán thu hồi vốn	Ghi chú
39	Xe đào bánh xích KOMATSU PC300LC-3	470	máy	Komatsu	Nhật Bản	KĐX	2014	Đội 24	90.000	
40	Máy xúc đào bánh lốp - DEAWOO Solar 130W	107	máy	Solar	Hàn Quốc	1998	2001	XN 54	66.700	
41	Xe lu bánh thép	349	máy		Nhật Bản	1998	2011	Đội 24	26.000	
42	Xe lu rung LT207G	494	máy	LT207G	Trung Quốc	KĐX	2014	Đội 2	11.000	
43	Xe ủi KOMATSU D6SE6-29583	521	máy	Komatsu	Nhật Bản	1993	2015	CNQT	34.000	
44	Máy ủi CAT - 06H	378	máy	Caterpillar	Mỹ	2012	2012	XN 54	56.800	
45	Máy ủi bánh xích Komatsu D31A - 16	336	máy	Komatsu	Nhật Bản	2011	2011	Đội 24	18.500	
46	Xe ủi bánh xích KOMATSU D37P-2	408	máy	Komatsu	Nhật Bản	1989	2013	CNQT	13.000	
47	Bông tổng đặt cầu 400 tấn	319	máy	VN	Việt Nam	2010	2011	CNQT	73.000	
48	Máy cẩu trục bánh xích HITACHI KH180-2	484	máy	Hitachi	Nhật Bản	1989	2014	CNQT	73.500	
49	Máy vận thăng nâng hàng 500kg	293	máy	Hòa Phát	Việt Nam	2009	2010	XN 54	3.600	
50	Máy vận thăng nâng hàng 500kg	294	máy	Hòa Phát	Việt Nam	2009	2010	XN 54	3.600	
51	Vận thăng nâng hàng 500kg cao 30m	309	máy	Đức Việt	Việt Nam	2009	2010	XN 54	3.600	
52	Vận thăng nâng hàng 500kg cao 30m	310	máy	Đức Việt	Việt Nam	2010	2010	XN 54	3.600	
53	Máy vận thăng nâng hàng	211	máy	Hòa Phát	Việt Nam	2003	2004	XN 54	3.600	
54	Vận thăng nâng hàng 500kg - cao 24m	341	máy	Đức Việt	Việt Nam	2011	2011	CNĐN	2.500	
55	Vận thăng nâng hàng 500kg - cao 24m	342	máy	Đức Việt	Việt Nam	2011	2011	CNĐN	2.500	
56	Tàu biển Hưng Thịnh 05 - HP 1270	253	máy	VN	Việt Nam	2008	2008	CNQT	177.000	
57	Tàu biển S1 trọng tải 710 tấn	285	máy	VN	Việt Nam	2010	2010	CNQT	163.000	
58	Máy phát điện Nhật	292	máy		Nhật Bản	1995	2010	CNQT	2.000	
59	Máy phát điện CUMMINS 100KVA	558	máy	CUMMINS	Nhật Bản	2008	2015	CNQT	3.000	
60	Máy phát điện Denyo 200KVA	569	máy	Denyo	Nhật Bản	2010	2015	CNQT	4.000	
61	Máy phát điện hiệu Iveco 380kva	371	máy	Iveco	Việt Nam	2005	2012	CNQT	5.000	
62	Máy phát điện công suất 90 KVA	482	máy		Nhật Bản	2003	2014	CNQT	1.500	
63	Máy phát điện TL Power TW 100S	280	máy	L Power	Hàn Quốc	2007	2009	CNQT	2.500	
64	Máy phát điện Nhật 60KVA	314	máy		Nhật Bản	2004	2010	CNQT	1.500	
65	Máy đào bánh xích KOMASU PC340 LC-6K	400	máy	Komatsu	Nhật Bản	2000	2013	CNQT	101.500	
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ			106					12.486.422	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TBXM NĂM 2020

TT	Tên thiết bị xe máy	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Chất lượng	Xuất xứ	Số lượng	Thành tiền (số tiền)	Nguồn vốn				Ghi chú
								NS hỗ trợ	Vay tín dụng ưu đãi	Vay tín dụng ngân hàng	Vốn tự có	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Phương tiện vận tải											
1	Sà lan 600T	chiếc	600 tấn	80%	Việt Nam	1	2.000.000	0	0	1.000.000	1.000.000	Đội 24
II	Máy đào											
1	Máy đào bánh xích CAT 345B-2	chiếc	239(kW)/2000vph	80%	Nhật bản	2	3.000.000	0	0	1.500.000	1.500.000	Đội 24
III	Máy nâng vận chuyển											
3	Máy cầu xích 50T Hitachi	chiếc	55.000 kg	80%	Nhật bản	1	2.500.000			1.250.000	1.250.000	Đội 24
4	Máy cầu xích 35T Hitachi	chiếc	35.000 kg	80%	Nhật bản	1	1.500.000			750.000	750.000	Đội 24
IV	Thiết bị bê tông											
1	Máy bơm bê tông SAIDY	chiếc	80 m3/h	100%	TQ	2	900.000	0	0	450.000	450.000	Đội 24
V	Máy phát điện											
1	Máy phát điện	Chiếc	100KVA	80%	Việt Nam	1	200.000	0	0	100.000	100.000	Đội 2
VI	Thiết bị khác											
2	Máy toàn đặc điện tử	Chiếc	độ phóng đại 30x	100%	Trung Quốc	1	150.000	0	0	75.000	75.000	Đội 2
	TỔNG CỘNG					9	10.250.000	0	0	5.125.000	5.125.000	

Ghi chú: Kế hoạch đầu tư năm 2020 là 10.250 triệu đồng với 09 danh mục thiết bị. Cụ thể từng đơn vị như sau:

- Đội trực thuộc số 2 : 02 danh mục giá trị 350 triệu đồng
- Đội trực thuộc số 24 : 07 danh mục giá trị 9.900 triệu đồng

Số lượng và giá trị theo danh mục đầu tư trên dự kiến đầu tư theo phân kỳ vốn của Chủ đầu tư và tiến độ công việc cụ thể của các gói thầu vốn Biển Đông - Hải đảo.